

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN  
THÀNH PHỐ B  
TỈNH B**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 198/2021/HS-ST

Ngày 22/11/2021

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ B**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Trịnh Ân

*Các Hội thẩm nhân dân:*

1. Ông Nguyễn Văn Môn

2. Bà Hoàng Thị Hồng.

**- Thư ký phiên tòa:** Ông Nguyễn Thế Thiện - Thư ký Tòa án.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố B tham gia phiên tòa:** Ông Nguyễn Trường Thọ - Kiểm sát viên.

Trong ngày 22 tháng 11 năm 2021 tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố B, tỉnh B xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 192/2021/TLST-HS ngày 22 tháng 10 năm 2021 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 193/2021/QĐXXST-HS ngày 28 tháng 10 năm 2021 và Thông báo về việc thay đổi thời gian mở phiên tòa số 10/TB-TA ngày 10 tháng 11 năm 2021 đối với bị cáo:

- Họ và tên: **Phạm Văn T**, sinh năm 1997. Tên gọi khác: Không. Nơi cư trú: thôn Minh Phượng (nay là tổ dân phố Minh Phượng), thị trấn Nham Biền, huyện YD, tỉnh B. Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không. Nghề nghiệp: Lao động tự do; Văn hoá: 9/12; Con ông: Phạm Văn Long, sinh năm 1976 (đã chết); Con bà: Nguyễn Thị Sơn, sinh năm 1976. Gia đình có 02 anh em, bị can là thứ nhất. Vợ, con: Chưa có. Tiền án, tiền sự: Không; Nhân thân: Bản án số 41/2017/HS-ST ngày 02/8/2017 của Tòa án nhân dân huyện YD, tỉnh B xử phạt Phạm Văn T 09 tháng tù về tội Lừa đảo chiếm đoạt tài sản. (Chấp hành xong hình phạt tù vào ngày 23/4/2018). Bị can bị bắt quả tang, bị tạm giữ, tạm giam từ ngày 25/8/2021 đến nay, hiện đang bị tạm giam tại Trại tạm giam Công an tỉnh B (Có mặt tại phiên tòa).

**\*Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:**

Anh Đào Văn D, sinh năm 1998; (vắng mặt).

Địa chỉ: Thôn Minh Phụng (nay là tổ dân phố Minh Phụng), thị trấn Nham Biền, huyện YD, tỉnh B.

\* Người chứng kiến:

- Ông Trần Đình V, sinh năm 1963; (vắng mặt).

Địa chỉ: Số nhà 29, ngõ 81, đường Mỹ Độ, tổ dân phố số 2, phường Mỹ Độ, thành phố B, tỉnh B.

- Ông Trần Quang T, sinh năm 1973; (vắng mặt).

Địa chỉ: Số nhà 188, tổ dân phố số 1, phường Mỹ Độ, thành phố B, tỉnh B.

### **NỘI DUNG VỤ ÁN:**

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Phạm Văn T là đối tượng nghiện ma túy; khoảng 13 giờ ngày 25/8/2021, do có nhu cầu sử dụng ma túy, T một mình điều khiển xe mô tô kiểu dáng Honda Wave, biển kiểm soát 98B3-781.99 đi đến khu vực Cầu tre thuộc tổ 2, phường Mỹ Độ, thành phố B. Tại đây, T gặp một người đàn ông không quen biết và hỏi mua 250.000 đồng tiền ma túy để sử dụng. Người đàn ông đó đồng ý, cầm tiền của T và đưa lại cho T 01 mảnh nilon có chứa ma túy dạng viên và 01 túi nilon bên trong có chứa ma túy dạng bột. T nhận và cầm số ma túy vừa mua được ở lòng bàn tay trái rồi điều khiển xe quay về nhà. Khi đi được khoảng 50 mét, T bị Tổ công tác Công an phường Mỹ Độ kiểm tra, bắt quả tang về hành vi tàng trữ trái phép chất ma túy và thu giữ vật chứng cùng một số tài sản của T.

Tại Bản cáo trạng số 193/CT-VKS ngày 21 tháng 10 năm 2021, Viện kiểm sát nhân dân thành phố B, tỉnh B đã truy tố bị cáo Phạm Văn T về tội “*Tàng trữ trái phép chất ma túy*” theo quy định tại điểm c khoản 1 Điều 249 của Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa hôm nay, bị cáo khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội như Cáo trạng đã truy tố.

Hội đồng xét xử công bố lời khai của những người được Tòa án triệu tập nhưng vắng mặt tại phiên tòa, bị cáo nhất trí và không có ý kiến gì.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố B sau khi phân tích tính chất, mức độ hành vi phạm tội, nhân thân của bị cáo, giữ nguyên quan điểm truy tố và đề nghị Hội đồng xét xử:

1. Tuyên bố bị cáo Phạm Văn T phạm tội “*Tàng trữ trái phép chất ma túy*”.

2. Về hình phạt: Áp dụng điểm c khoản 1 Điều 249; điểm s khoản 1 Điều 51; Điều 38 của Bộ luật Hình sự: Xử phạt bị cáo Phạm Văn T từ 01(Một) năm 02(Hai) tháng tù đến 01(Một) năm 04(Bốn) tháng tù . Thời hạn tù tính từ ngày bị tạm giữ, tạm giam 25/8/2021. Không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với bị cáo.

3. Về vật chứng: Áp dụng Điều 47 của Bộ luật Hình sự; Điều 106 của Bộ luật Tố tụng hình sự:

- Tịch thu tiêu hủy 01 (một) phong bì đã niêm phong chứa ma túy hoàn lại sau giám định.

- Trả lại cho bị cáo Phạm Văn T 01 chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Sony Xperia, số Imei 355342068322327 đã qua sử dụng, nhưng tạm giữ để đảm bảo thi hành án.

4. Về án phí: Bị cáo phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm.

Bị cáo không có ý kiến tranh luận với bản luận tội của Viện kiểm sát.

Lời nói sau cùng: Bị cáo thấy hành vi của mình là vi phạm pháp luật, cảm thấy rất hối hận về hành vi của mình, đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan cảnh sát điều tra Công an thành phố B, Điều tra viên; Viện kiểm sát nhân dân thành phố B, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra, truy tố và tại phiên tòa, bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan T hành tố tụng, người T hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan T hành tố tụng, người T hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Về sự có mặt của người tham gia tố tụng: Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan, người chứng kiến được triệu tập hợp lệ nhưng đều vắng mặt. Tuy nhiên, trong hồ sơ vụ án đã có đầy đủ lời khai của những người này nên căn cứ vào các Điều 292,293 của Bộ luật Tố tụng hình sự, xét xử vắng mặt họ.

[3] Về tội danh: Lời khai của bị cáo tại phiên toà hôm nay phù hợp lời khai

của bị cáo tại cơ quan điều tra, phù hợp với lời khai của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan, người chứng kiến, biên bản bắt giữ người phạm tội quả tang do cơ quan công an thành phố B lập ngày 25/8/2021, Kết luận giám định số 1371/KL-KTHS ngày 27/8/2021 của Phòng Kỹ thuật hình sự công an tỉnh B và các tài liệu khác có trong hồ sơ vụ án, đủ cơ sở kết luận:

Khoảng 13 giờ 00 phút, ngày 25/8/2021, tại khu vực trước cửa số nhà 73, ngõ 40, đường Mỹ Độ, tổ dân phố số 02, phường Mỹ Độ, thành phố B, tỉnh B, Tổ công tác Công an phường Mỹ Độ, thành phố B trong quá trình tuần tra kiểm soát bắt quả tang Phạm Văn T, sinh năm 1997; trú tại thôn Minh Phụng (nay là tổ dân phố Minh Phụng), thị trấn Nham Biền, huyện YD, tỉnh B có hành vi tàng trữ trái phép 0,227 gam chất ma túy mục đích để sử dụng nên có đủ căn cứ kết luận Phạm Văn T phạm tội Tàng trữ trái phép chất ma túy, tội phạm và hình phạt được quy định tại điểm c khoản 1 Điều 249 BLHS. Việc Viện kiểm sát nhân dân thành phố B truy tố bị cáo theo tội danh và Điều khoản trên là có căn cứ, đúng người, đúng tội và đúng pháp luật.

[4] Về tính chất hành vi phạm tội: Hành vi phạm tội của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, nó đã xâm phạm chính sách độc quyền về quản lý của Nhà nước đối loại dược phẩm có tính chất gây nghiện. Hành vi tàng trữ chất ma túy của bị cáo gây ảnh hưởng xấu đến trật tự trị an của địa phương và xã hội; là nguyên nhân phát sinh các loại tội phạm khác, là con đường lây lan của một số căn bệnh xã hội. Do vậy, cần phải xử lý nghiêm bị cáo bằng pháp luật hình sự để đảm bảo tính giáo dục riêng và phòng ngừa chung cho loại tội phạm này.

[5] Xét về nhân thân của bị cáo thì thấy: Bị cáo đã bị Tòa án nhân dân huyện YD, tỉnh B xử phạt 09 tháng tù về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”. (Chấp hành xong hình phạt tù vào ngày 23/4/2018).

[6] Xét về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Trong quá trình điều tra, truy tố và xét xử tại phiên tòa hôm nay, bị cáo có thái độ thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải về hành vi phạm tội của mình nên được hưởng các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự.

[7] Ngoài hình phạt chính lẽ ra cần áp dụng khoản 5 Điều 249 BLHS xử phạt bổ sung bằng tiền đối với bị cáo từ 5 triệu đến 50 triệu đồng để nộp ngân sách Nhà nước xong Hội đồng xét xử thấy bị cáo là người nghiện ma túy, không có

nghề nghiệp ổn định. Do vậy, Hội đồng xét xử không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với bị cáo để thể hiện sự khoan hồng của pháp luật.

[8] Xét về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Bị cáo không phải chịu tình tiết tăng nặng nào quy định tại khoản 1 Điều 52 của Bộ luật Hình sự.

[9] Anh Đào Văn D là người cho bị cáo Tiến mượn xe mô tô biển kiểm soát 98B3-781.99 để sử dụng. Tuy nhiên, anh D không biết hành vi phạm tội của bị cáo nên Cơ quan điều tra không xem xét, xử lý đối với anh D và đã trả lại xe cho anh là đúng quy định pháp luật.

[10] Về vật chứng của vụ án:

- Đối với 01 (một) phong bì đã niêm phong chứa ma túy hoàn lại sau giám định là vật Nhà nước cấm tàng trữ, cấm lưu hành nên cần tịch thu tiêu hủy.

- Đối với 01 chiếc điện thoại di động đã qua sử dụng nhãn hiệu Sony Xperia, số Imei 355342068322327 là tài sản cá nhân của Phạm Văn T không liên quan đến hành vi phạm tội cần trả lại cho bị cáo Phạm Văn T nhưng tạm giữ để đảm bảo thi hành án.

[11] Về án phí: Bị cáo phải chịu án phí theo quy định pháp luật.

[12] Cần tiếp tục tạm giam bị cáo 45 ngày kể từ ngày tuyên án để đảm bảo thi hành án theo quy định tại khoản 1 Điều 329 của Bộ luật Tố tụng hình sự.

Vì các lẽ trên,

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ điểm c khoản 1 Điều 249; điểm s khoản 1 Điều 51; Điều 38; Điều 47 của Bộ luật Hình sự; điểm a, c khoản 2 Điều 106; Điều 293; Điều 331; Điều 333 của Bộ luật Tố tụng hình sự; khoản 2 Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự và điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Xử:

1.1. Xử phạt bị cáo Phạm Văn T 01(Một) năm 04(Bốn) tháng tù về tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy”. Thời hạn tù tính từ ngày bị tạm giữ, tạm giam 25/8/2021.

1.2. Không áp dụng hình phạt bổ sung bằng tiền đối với bị cáo.

2. Về vật chứng:

- Tịch thu tiêu hủy 01 (một) phong bì đã niêm phong chứa ma túy hoàn lại sau giám định.

- Trả lại cho bị cáo Phạm Văn T 01 chiếc điện thoại di động đã qua sử dụng nhãn hiệu Sony Xperia, số Imei 355342068322327, nhưng tạm giữ để đảm bảo thi hành án.

3. Về án phí: Bị cáo Phạm Văn Tiến phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm.

4. Về quyền kháng cáo: Căn cứ Điều 331; Điều 333 của Bộ luật Tố tụng hình sự: Bị cáo được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày được tổng đạt bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết theo quy định pháp luật.

5. Về hướng dẫn thi hành án: Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án dân sự được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự./.

**CÁC HỘI THẨM NHÂN DÂN**

**THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Nguyễn Văn Môn    Hoàng Thị Hồng**

**Trịnh Ân**

***Nơi nhận:***

- VKSND tỉnh B
- VKSND thành phố B;
- TAND tỉnh B;
- Chi cục THADS TP B;
- Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố B;
- Cơ quan THAHS Công an thành phố B;
- Trại tạm giam Công an tỉnh B
- Bị cáo;
- UBND thị trấn Nham Biền, huyện YD, tỉnh B;
- Lưu Hồ sơ vụ án; Văn phòng.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Trịnh Ân**

**CÁC HỘI THẨM NHÂN DÂN**

**THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Nguyễn Văn Môn    Hoàng Thị Hồng**

**Trịnh Ân**